

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2024/DS-PT

Ngày 29-5-2024

V/v: Tranh chấp di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Vỹ

Các Thẩm phán:

Ông Trịnh Hoàng Anh

Bà Nguyễn Thị Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 4 năm 2024 và ngày 28, 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 42/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2024, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 29/2024/TB-TA ngày 13 tháng 3 năm 2024, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 56/2024/TB-TA ngày 26 tháng 4 năm 2024, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 72/2024/QĐ-TA ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 41/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn M, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Bùi Trung B, sinh năm 1988.

Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1997.

Địa chỉ: F tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (ông B có mặt, bà D vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Bùi Văn S, sinh năm 1984.

Địa chỉ: G tổ E, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy ủy quyền ngày 18-01-2024 (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mạch Văn L - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ: Quốc lộ E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Ông Bùi Văn D1, sinh năm 1930.

Địa chỉ: F tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Bà Bùi Thị M1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Tổ G, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

4. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: T, tổ A, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

5. Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: F, tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

6. Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1974.

Địa chỉ: F Tổ I, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

7. Bà Bùi Thị L1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

8. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt ngày 26-4-2024, vắng mặt ngày 28 và 29-4-2024, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

9. Ông Bùi Văn S, sinh năm 1984.

Địa chỉ: G, tổ E, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- *Người kháng cáo:*

1. Ông Bùi Văn M - Nguyên đơn.

2. Bà Bùi Thị M1, bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị Đ – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Bùi Văn M trình bày:

Cha mẹ ông Bùi Văn M là ông Bùi Văn D1 và bà Nguyễn Thị Á trong quá trình chung sống có tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 466,7m² thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là thửa đất số 58). Trên đất có 01 căn nhà do ông D1 và bà Á xây dựng. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Văn D1 số M523127 vào ngày 24-9-1998. Sau đó ông D1, bà Á đã chuyển nhượng cho ông Lê L2 một phần, diện tích còn lại là 298,6m².

Bà Á chết ngày 20-5-2000, không để lại di chúc. Cha mẹ bà Á tên là ông Nguyễn L3 và bà Dương Thị D2 (hiện đều đã chết); bà Á và ông D1 có tất cả 11 người con: Bà Bùi Thị M1, bà Bùi Thị T, ông Bùi Văn M, ông Bùi Văn T1, bà Bùi Thị L1, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị N, ông Bùi Văn S, ông Bùi Trung B, ông

Bùi Văn G (sinh năm 1970 - chết năm 1972); ông Bùi Văn S1 (sinh năm 1976 - chết năm 2000). Ông Bùi Văn G và ông Bùi Văn S1 chết, không có vợ con. Ngoài ra, bà Á không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Sau khi bà Á chết, các con đồng ý để cho ông Bùi Văn D1 đại diện đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích để làm thủ tục đảm bảo cho bà Bùi Thị N vay tiền ngân hàng chứ không phải để ông D1 có quyền định đoạt thửa đất trên. Tuy nhiên, sau khi ông D1 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB210262 ngày 05-4-2010, ông D1 đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng diện tích đất trên cho ông Bùi Trung B và bà Nguyễn Thị Hồng D mà không cho nguyên đơn và những người liên quan trong gia đình được biết. Nguyên đơn cũng như những người liên quan cũng không ký vào bất cứ giấy tờ nào về việc đồng ý cho ông D1 tặng cho thửa đất trên cho ông B, bà D.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 020862 ngày 08-9-2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Bùi Trung B, bà Nguyễn Thị Hồng D đối với thửa đất số 58; yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á là $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 58 thành 10 phần cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật, ông M được hưởng giá trị 01 phần di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á theo giá của hội đồng định giá đã đưa ra. Ông M chỉ yêu cầu giải quyết chia di sản thừa kế trong phần đất thuộc thửa 58, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Ông M có ký tên vào “*Đơn đồng ý để cha đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn quyền quyết định*” đề ngày 16-3-2010, mục đích nhằm hợp thức hóa giấy tờ để cho bà Bùi Thị N vay tiền ngân hàng.

Bị đơn ông Bùi Trung B, bà Nguyễn Thị Hồng D (do ông Bùi Văn S đại diện) trình bày:

Cha mẹ bị đơn là ông Bùi Văn D1 và bà Nguyễn Thị Á trong quá trình chung sống có tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 466,7m² thuộc thửa đất số 58. Trên đất có 01 căn nhà do ông D1 và bà Á xây dựng. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Văn D1 số M523127 vào ngày 24-9-1998. Sau đó ông D1, bà Á đã chuyển nhượng cho ông Lê L2 một phần, diện tích còn lại là 298,6m².

Bà Á chết ngày 20-5-2000, không để lại di chúc. Cha mẹ bà Á tên là Nguyễn L3 và Dương Thị D2 (hiện đều đã chết); bà Á và ông D1 có tất cả 11 người con đúng như nguyên đơn đã trình bày.

Sau khi bà Á chết, các con của ông D1 và bà Á đã ký tên vào “*Đơn đồng ý để cha đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn quyền quyết định*” đề ngày 16-3-2010. Sau đó, ông D1 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB210262 ngày 05-4-2010 đứng tên ông Bùi Văn D1.

Khoảng năm 2014, ông D1 có làm một tờ di chúc để nhà đất này cho ông

Bùi Trung B để làm nhà thờ tự, tờ di chúc này ông D1 nộp tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L. Tuy nhiên, hiện nay Ủy ban nhân dân xã P cho biết đã làm thất lạc. Sau này ông D1 làm hợp đồng tặng cho thửa đất này cho ông B, bà D.

Nay, ông M có đơn khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị M1, bà Bùi Thị Đ có đơn yêu cầu độc lập về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 020862 ngày 08-9-2020 đã cấp cho ông Bùi Trung B, bà Nguyễn Thị Hồng D đối với thửa đất số 58, phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với thửa đất số 58 cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật thì bị đơn không đồng ý. Vì đây là nhà để làm nơi thờ cúng nên không đồng ý chia.

Việc các con ký tên vào “*Đơn đồng ý để cha đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn quyền quyết định*” đề ngày 16-3-2010, không liên quan đến việc vay tiền ngân hàng như nguyên đơn trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn D1 (do ông Bùi Văn S đại diện) trình bày:

Ông Bùi Văn D1 và bà Nguyễn Thị Á trong quá trình chung sống có tạo lập được tài sản chung quyền sử dụng đất diện tích 466,7m² thuộc thửa đất số 58. Trên đất có 01 căn nhà do ông D1 và bà Á xây dựng. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Văn D1 số M523127 vào ngày 24-9-1998. Sau đó ông D1, bà Á đã chuyển nhượng cho ông Lê L2 một phần, diện tích còn lại là 298,6m².

Bà Á chết ngày 20-5-2000, không để lại di chúc. Cha mẹ bà Á tên là Nguyễn L3 và Dương Thị D2 (hiện đều đã chết); bà Á và ông D1 có tất cả 11 người con đúng như nguyên đơn đã trình bày.

Sau khi bà Á chết, các con của ông và bà Á đã ký tên vào “*Đơn đồng ý để cha đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn quyền quyết định*” đề ngày 16-3-2010. Sau đó, ông được Ủy ban nhân dân huyện L cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB210262 ngày 05-4-2010 đứng tên ông Bùi Văn D1.

Khoảng năm 2014, ông có làm một tờ di chúc để nhà đất này cho ông Bùi Trung B để làm nhà thờ tự, tờ di chúc này ông D1 nộp tại Ủy ban nhân dân xã P, nhưng hiện nay Ủy ban nhân dân xã P cho biết đã làm thất lạc. Sau này ông làm hợp đồng tặng cho thửa đất này cho ông B, bà D.

Nay, ông M có đơn khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị M1, bà Bùi Thị Đ có đơn yêu cầu độc lập về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 020862 ngày 08-9-2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đã cấp cho ông Bùi Trung B, bà Nguyễn Thị Hồng D đối với thửa đất số 58, phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với thửa đất số 58 nêu trên cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật thì ông không đồng ý. Vì đây là nhà để làm nơi thờ cúng nên không đồng ý

chia.

Việc các con ký tên vào “*Đơn đồng ý để cha đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn quyền quyết định*” đề ngày 16-3-2010, mục đích để ông đứng tên quyền sử dụng đất. Sau khi ông được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB210262 ngày 05-4-2010, ông có thể chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bà N vay 100 triệu đồng tại Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T trình bày:

Bà xác nhận về quan hệ gia đình và nguồn gốc tài sản tranh chấp đúng như ông M đã khai.

Sau khi bà Á chết, các con đồng ý để cho ông Bùi Văn D1 đại diện đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích để làm thủ tục đảm bảo cho bà Bùi Thị N vay tiền ngân hàng chứ không phải để ông D1 có quyền định đoạt thửa đất trên. Tuy nhiên, sau khi ông D1 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB210262 ngày 05-4-2010, ông D1 đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng diện tích đất trên cho ông Bùi Trung B và bà Nguyễn Thị Hồng D mà không cho những người liên quan trong gia đình được biết và những người liên quan cũng không có ký vào bất cứ giấy tờ nào về việc đồng ý cho ông D1 tặng cho thửa đất trên cho ông B, bà D.

Nay, bà T giữ nguyên yêu cầu độc lập về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 020862 ngày 08-9-2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đã cấp cho ông Bùi Trung B, bà Nguyễn Thị Hồng D đối với thửa đất số 58; yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á là $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 58 thành 10 phần cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật, bà T được hưởng giá trị 01 phần di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á theo giá của hội đồng định giá đã đưa ra. Bà T chỉ yêu cầu giải quyết chia di sản thừa kế trong phần đất thuộc thửa 58, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bà T có ký tên vào “*Đơn đồng ý để cha đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn quyền quyết định*” đề ngày 16-3-2010, mục đích để hợp thức hóa giấy tờ để cho bà Bùi Thị N vay tiền ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị M1 trình bày:

Bà xác nhận về quan hệ gia đình và nguồn gốc tài sản tranh chấp đúng như ông M đã khai.

Sau khi bà Á chết, các con đồng ý để cho ông Bùi Văn D1 đại diện đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích để làm thủ tục đảm bảo cho bà Bùi Thị N vay tiền ngân hàng chứ không phải để ông D1 có quyền định đoạt thửa đất trên. Tuy nhiên, sau khi ông D1 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB210262 ngày 05-4-2010, ông D1 đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng diện tích đất trên cho ông Bùi Trung B và bà Nguyễn Thị Hồng D mà không cho những người liên quan trong gia đình được biết và những người liên

quan cũng không có ký vào bất cứ giấy tờ nào về việc đồng ý cho ông D1 tặng cho thửa đất trên cho ông B, bà D.

Nay, bà M1 giữ nguyên yêu cầu độc lập về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 020862 ngày 08-9-2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đã cấp cho ông Bùi Trung B, bà Nguyễn Thị Hồng D đối với thửa đất số 58; yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á là $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 58 thành 10 phần cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật, bà M1 được hưởng giá trị 01 phần di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á theo giá của hội đồng định giá đã đưa ra. Bà M1 chỉ yêu cầu giải quyết chia di sản thừa kế trong phần đất thuộc thửa 58, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bà M1 có ký tên vào “*Đơn đồng ý để cha đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn quyền quyết định*” đề ngày 16-3-2010, mục đích để hợp thức hóa giấy tờ để cho bà Bùi Thị N vay tiền ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Đ trình bày:

Bà xác nhận về quan hệ gia đình và nguồn gốc tài sản tranh chấp đúng như ông M đã khai.

Sau khi bà Á chết, các con đồng ý để cho ông Bùi Văn D1 đại diện đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích để làm thủ tục đảm bảo cho bà Bùi Thị N vay tiền ngân hàng chứ không phải để ông D1 có quyền định đoạt thửa đất trên. Tuy nhiên, sau khi ông D1 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB210262 ngày 05-4-2010, ông D1 đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng diện tích đất trên cho ông Bùi Trung B và bà Nguyễn Thị Hồng D mà không cho những người liên quan trong gia đình được biết và những người liên quan cũng không có ký vào bất cứ giấy tờ nào về việc đồng ý cho ông D1 tặng cho thửa đất trên cho ông B, bà D.

Nay, bà Đ giữ nguyên yêu cầu độc lập về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 020862 ngày 08-9-2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đã cấp cho ông Bùi Trung B, bà Nguyễn Thị Hồng D đối với thửa đất số 58; yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á là $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 58 thành 10 phần cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật, bà Đ được hưởng giá trị 01 phần di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á theo giá của hội đồng định giá đã đưa ra. Bà Đ chỉ yêu cầu giải quyết chia di sản thừa kế trong phần đất thuộc thửa 58, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bà Đ có ký tên vào “*Đơn đồng ý để cha đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn quyền quyết định*” đề ngày 16-3-2010, mục đích để hợp thức hóa giấy tờ để cho bà Bùi Thị N vay tiền ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn S trình bày:

Về quan hệ gia tộc và nguồn gốc thửa đất mà các đương sự đang tranh chấp thì ông đồng ý với phần trình bày của bị đơn, ông Bùi Văn D1 và không bổ sung

gì. Ông S không đồng ý chia theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các anh em trong gia đình đều có ký tên vào “*Đơn đồng ý để cha đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn quyền quyết định*” đề ngày 16-3-2010, không liên quan đến mục đích vay tiền ngân hàng như nguyên đơn trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T1 trình bày:

Về quan hệ gia tộc và nguồn gốc thửa đất mà các đương sự đang tranh chấp thì ông đồng ý với phần trình bày của bị đơn, ông Bùi Văn D1 và không bổ sung gì. Ông T1 không đồng ý chia theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các anh em trong gia đình đều có ký tên vào “*Đơn đồng ý để cha đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn quyền quyết định*” đề ngày 16-3-2010, không liên quan đến mục đích vay tiền ngân hàng như nguyên đơn trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N trình bày:

Về quan hệ gia tộc và nguồn gốc thửa đất mà các đương sự đang tranh chấp thì bà N đồng ý với phần trình bày của bị đơn, ông Bùi Văn D1 và không bổ sung gì. Bà N không đồng ý chia theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các anh em trong gia đình đều có ký tên vào “*Đơn đồng ý để cha đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn quyền quyết định*” đề ngày 16-3-2010, mục đích để ông D1 đứng tên quyền sử dụng đất. Sau khi ông D1 được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB210262 ngày 05-4-2010, ông D1 có thể chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bà N vay số tiền 100 triệu đồng tại Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L1 trình bày:

Về quan hệ gia tộc và nguồn gốc thửa đất mà các đương sự đang tranh chấp thì bà L1 đồng ý với phần trình bày của bị đơn, ông Bùi Văn D1 và không bổ sung gì. Bà L1 không đồng ý chia theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các anh em trong gia đình đều có ký tên vào “*Đơn đồng ý để cha đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn quyền quyết định*” đề ngày 16-3-2010, không liên quan đến mục đích vay tiền ngân hàng như nguyên đơn trình bày.

Bà L1 rút yêu cầu độc lập về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 020862 ngày 08-9-2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đã cấp cho ông Bùi Trung B, bà Nguyễn Thị Hồng D đối với thửa đất số 58 và yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á đối với phần tài sản là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa số 58. Bà L1 đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (do ông Mạch Văn L đại diện) trình bày:

Ngày 21-4-1998, ông Bùi Văn D1 có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 58, diện tích 466,7m², tờ bản đồ số 108 xã P, huyện

L. Nguồn gốc đất được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận do ông T2 nhượng lại năm 1993.

Ngày 24-9-1998, Ủy ban nhân dân huyện L có Quyết định số 572/QĐ.UBH về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo đó hộ ông Bùi Văn D1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 523127 ngày 24-9-1998 đối với thửa đất số 58, diện tích 466,7m², loại đất “T+M” (đất ở tại nông thôn – ONT và đất trồng cây hàng năm khác –HNK), tờ bản đồ số 108, xã P.

Ngày 22-12-2000, ông Bùi Văn D1 đã chuyển nhượng một phần diện tích 168,1m² (135,1m² ONT và 33m²HNK) thuộc một phần thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108 cho ông Lê L2. Diện tích còn lại của thửa đất số 58 là 298,6m² trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 523127 ngày 24-9-1998.

Ngày 05-4-2010, ông Bùi Văn D1 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 210262 đối với thửa đất số 58, diện tích 298,6m² (264,9m² ONT và 33,7m² HNK), tờ bản đồ số 108. Kèm theo hồ sơ có giấy chứng tử của bà Nguyễn Thị Á (vợ ông D1) và “*Đơn đồng ý để cha đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn quyền quyết định*” của các đồng thừa kế của bà Á, đơn được Ủy ban nhân dân xã P chứng thực ngày 18-3-2010 (trong đó có ông Bùi Văn M, ông Bùi Trung B).

Ngày 27-7-2020, ông Bùi Văn D1 đã tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Bùi Trung B và bà Nguyễn Thị Hồng D đối với thửa đất số 58 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện chính lý sang tên trang 4 giấy chứng nhận số BB 210262.

Ngày 08-9-2020, ông Bùi Trung B và bà Nguyễn Thị Hồng D được Sở T cấp đổi sang giấy chứng nhận số CY 020862 đối với thửa đất số 58.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108, xã P cho hộ ông Bùi Văn D1 năm 1998 và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Văn D1 năm 2010 được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại thời điểm giải quyết hồ sơ.

Việc giải quyết thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất từ ông Bùi Văn D1 cho ông Bùi Trung B và bà Nguyễn Thị Hồng D và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Trung B và bà Nguyễn Thị Hồng D năm 2020 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B thực hiện. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn M và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị M1 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 020862 ngày 08-9-2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B đã cấp cho ông Bùi Trung B, bà Nguyễn Thị Hồng D đối với thửa đất số 58 tờ bản đồ số 108 tọa lạc tại xã P, huyện

L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á là $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 58 thành 10 phần cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật; ông M, bà T, bà M1, bà Đ mỗi người được hưởng giá trị 01 phần di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á theo giá của hội đồng định giá đã đưa ra.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22-9-2023, nguyên đơn ông Bùi Văn M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị Đ và bà Bùi Thị M1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bà T, bà M1 và bà Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Bùi Văn M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị Đ và bà Bùi Thị M1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bà T, bà M1 và bà Đ.

Bị đơn ông Bùi Trung B và bà Nguyễn Thị Hồng D (do ông Bùi Văn S đại diện) và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn S, bà Bùi Thị N đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị M1 và bà Bùi Thị Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Ông Bùi Trung B và bà Nguyễn Thị Hồng D tự nguyện xác nhận ông bà chỉ quản lý, sử dụng thửa đất số 58 và căn nhà gắn liền trên thửa đất này để ở và thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ; không được dùng nhà đất này để chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp hoặc góp vốn cho người khác.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

- *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị M1 và bà Bùi Thị Đ nộp trong thời hạn luật định.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị M1 và bà Bùi Thị Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm và ghi nhận sự tự nguyện của ông Bùi Trung B tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Văn M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị M1, bà Bùi Thị Đ nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng D vắng mặt nhưng đã có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L1, bà Bùi Thị N, ông Bùi Văn T1 và Ủy ban nhân dân huyện L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Bùi Văn D1 vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.3] Ngày 27-4-2023, bà Bùi Thị L1 đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với bị đơn, nhưng cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà L1 là có thiếu sót. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất sửa bản án sơ thẩm, bổ sung quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị L1 để giải quyết toàn diện vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị M1 và bà Bùi Thị Đ:

[2.1] Về nguồn gốc nhà đất tranh chấp:

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thông nhất xác nhận: Quyền sử dụng đất diện tích 298,6m² thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và 01 căn nhà gắn liền trên thửa đất này là tài sản chung của ông Bùi Văn D1 và bà Nguyễn Thị Á tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Văn D1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 523127 ngày 24-9-1998 (Bl 77). Đây là tình tiết đã được các bên đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định nhà đất tranh chấp nêu trên là tài sản chung của ông Bùi Văn D1 và bà Nguyễn Thị Á. Năm 2000, bà Nguyễn Thị Á chết theo trích lục khai tử số 353/TLKT-BS ngày 17-5-2022 (Bl 17). Do đó, ½ giá trị căn nhà và thửa đất nêu trên là di sản thừa kế của bà Á để lại.

[2.2] Theo bản tường trình quan hệ nhân thân của bà Nguyễn Thị Á và sự thừa nhận của tất cả các đương sự trong vụ án thì những người thừa kế hàng thứ nhất của bà Nguyễn Thị Á gồm: Ông Bùi Văn D1 (chồng) và 09 người con còn sống là: Bùi Văn M, Bùi Văn T1, Bùi Văn S, Bùi Trung B, Bùi Thị T, Bùi Thị N, Bùi Thị M1, Bùi Thị Đ, Bùi Thị L1. Hai người con còn lại là Bùi Văn G và Bùi Văn S1 đã chết khi còn nhỏ và không có vợ con. Cha, mẹ của bà Á đều đã chết trước bà Á.

[2.3] Sau khi bà Á chết, các con của ông Bùi Văn D1, bà Nguyễn Thị Á là

các ông bà Bùi Văn M, Bùi Văn T1, Bùi Văn S, Bùi Trung B, Bùi Thị T, Bùi Thị N, Bùi Thị M1, Bùi Thị Đ, Bùi Thị L1 đều thừa nhận có ký tên vào “*Đơn đồng ý để cha đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn quyền quyết định*” đề ngày 16-3-2010 đối với thửa đất số 58, giấy này được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận chữ ký ngày 18-3-2010. Ông Bùi Văn M, bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị M1 và bà Bùi Thị Đ cho rằng việc các ông bà ký tên vào tờ giấy trên là để hợp thức hóa giấy tờ cho bà Bùi Thị N vay tiền ngân hàng chứ không phải là các ông bà giao toàn quyền định đoạt tài sản cho ông Bùi Văn D1.

[2.4] Xét, tại “*Đơn đồng ý để cha đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn quyền quyết định*” đề ngày 16-3-2010 nêu trên, các đương sự đã ghi nhận như sau: “....chị em chúng tôi là con ông Bùi Văn D1, sinh năm 1930 và bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1940, đã chết ngày 20-5-2000. Cha mẹ chúng tôi là chủ sở hữu tài sản là quyền sử dụng đất mang số M523127, cấp tại Ủy ban nhân dân huyện L ngày 24-9-1998, với diện tích đất là 298,6m², tờ bản đồ số 108, thửa số 58, loại đất thổ cư. Vì mẹ chúng tôi đã chết vào năm 2000. Nay chúng tôi làm đơn kính đề nghị quý cơ quan chức năng xác nhận chúng tôi nhất trí đồng ý để cha chúng tôi là Bùi Văn D1, sinh năm 1930, giấy CMND số 270172827, cấp tại Công an tỉnh B ngày 25-02-2008, hiện thường trú tại H ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, được toàn quyền đứng tên chủ sử dụng đất và toàn quyền quyết định phần tài sản ghi trên. Chúng tôi cam kết kể từ nay về sau không khiếu kiện, tranh chấp gì đến phần tài sản trên. Nếu sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật” (B1 66).

[2.5] Theo nội dung văn bản trên thì tất cả các con của ông D1, bà Á đã đồng ý để cho ông D1 được đứng tên chủ sử dụng đất và toàn quyền quyết định phần tài sản này. Trong văn bản này, không có nội dung nào ghi nhận việc ông D1 chỉ được đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc ông D1 chỉ được thế chấp tài sản này để cho bà Bùi Thị N vay tiền tại Ngân hàng mà không được định đoạt tài sản này. Bản thân ông D1, ông B, ông S, ông T1 và bà N đều xác nhận việc các con ký giấy xác nhận trên là để giao toàn quyền quyết định về nhà đất trên cho cha là ông Bùi Văn D1, chứ không phải chỉ để làm thủ tục vay tiền Ngân hàng cho bà N. Ông M, bà M1, bà T và bà Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh lời khai của mình về việc ông Bùi Văn D1 chỉ được thế chấp ngân hàng vay tiền cho bà N chứ không được định đoạt nhà đất trên nên không có căn cứ để chấp nhận lời khai của các đương sự này.

[2.6] Vì vậy, đủ căn cứ xác định: Sau khi bà Nguyễn Thị Á chết vào năm 2000, các đồng thừa kế của bà Á là ông Bùi Văn D1 và tất cả 09 người con của ông D1, bà Á đã ký “*Đơn đồng ý để cha đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn quyền quyết định*” đề ngày 16-3-2010 nêu trên với nội dung giao toàn bộ thửa đất số 58 cho ông Bùi Văn D1 được đứng tên chủ sử dụng đất và được toàn quyền quyết định đối với thửa đất này. Căn cứ vào văn bản trên, ông Bùi Văn D1 đã làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng từ hộ ông Bùi Văn D1 sang cá nhân ông Bùi Văn D1 vào ngày 05-4-2010. Từ thời điểm này, ông D1 là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất số 58 nên ông được toàn quyền định đoạt đối với thửa đất này mà không cần sự đồng ý của những người đồng thừa kế

của bà Nguyễn Thị Á.

[2.7] Ngày 19-4-2010, ông Bùi Văn D1 đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng thửa đất trên để đảm bảo cho bà Bùi Thị N vay số tiền 100 triệu đồng tại Ngân hàng N1. Hợp đồng này sau đó đã được các bên thực hiện xong. Ngày 26-6-2020, tại Văn phòng C, ông Bùi Văn D1 đã ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất 58 nêu trên cho ông Bùi Trung B và bà Nguyễn Thị Hồng D. Hợp đồng này được giao kết tại Văn phòng công chứng, theo xác nhận của công chứng viên thì các bên tham gia đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ cho các bên liên quan. Đến ngày 27-7-2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L đăng ký chính lý sang tên tại trang 04 giấy chứng nhận số BB 210262 cho ông Bùi Trung B và bà Nguyễn Thị Hồng D (Bl 67). Ngày 08-9-2020, ông Bùi Trung B và bà Nguyễn Thị Hồng D được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 020862 đối với thửa đất số 58 nêu trên (Bl 70).

[2.8] Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện L cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Văn D1 vào năm 2010 và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Trung B, bà Nguyễn Thị Hồng D đối với thửa đất số 58 vào năm 2020 tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định tại thời điểm giải quyết hồ sơ, các đương sự khác không có khiếu nại, thắc mắc gì. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của bà M1, bà T, bà Đ về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Bùi Trung B và bà Nguyễn Thị Hồng D.

[2.9] Mặt khác, do di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất tranh chấp đã được các đồng thừa kế của bà Á thỏa thuận giao lại cho ông Bùi Văn D1 được toàn quyền sử dụng, định đoạt và ông D1 đã tặng cho lại cho ông B, bà D vào năm 2020, nên di sản này không còn để chia thừa kế theo pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của ông M và yêu cầu độc lập của bà M1, bà T và bà Đ. Do vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á theo pháp luật cho các đồng thừa kế, là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật nên cần giữ nguyên quyết định này của bản án sơ thẩm.

[2.10] Từ những căn cứ và phân tích trên cho thấy: Yêu cầu kháng cáo của ông M, bà M1, bà T và bà Đ là không có căn cứ nên không được chấp nhận; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.11] Mặc dù trong “Đơn đồng ý để cha đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn quyền quyết định” đề ngày 16-3-2010 nêu trên, các đương sự không đề cập đến việc sử dụng và định đoạt căn nhà cấp 4 gắn liền trên thửa đất số 58 nhưng tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, các đương sự đều xác nhận không tranh chấp đối với căn nhà này mà đồng ý để cho ông Bùi Trung B được quản lý, sử dụng. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần ghi nhận để giải quyết triệt để vụ án.

[2.12] Theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 03-10-2022 (Bl 83-84), bà Nguyễn Thị Hồng D đã tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của bà D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 020862 ngày 08-9-2020 cho ông Bùi Trung B. Các đương sự khác không có yêu cầu gì đối với hợp đồng tặng cho này. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Bùi Trung B và bà Nguyễn Thị Hồng D tự nguyện xác nhận ông bà chỉ quản lý, sử dụng thửa đất số 58 và căn nhà cấp 4 gắn liền trên thửa đất này để ở và thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ mà không được sử dụng nhà đất này để chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp hoặc góp vốn cho người khác. Xét đây là sự tự nguyện của bị đơn phù hợp quy định của pháp luật và có lợi cho các đương sự còn lại nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của ông Bùi Trung B và bà Nguyễn Thị Hồng D.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí sao lục tài liệu, đo vẽ, định giá tổng cộng là 3.343.926 đồng, nguyên đơn phải chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện và yêu cầu độc lập không được chấp nhận nên nguyên đơn và những người có yêu cầu độc lập là bà Bùi Thị T và bà Bùi Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Bà Bùi Thị M1 là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Bùi Thị M1 và bà Bùi Thị L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T và bà Bùi Thị Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp. Bà Bùi Thị M1 là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Văn M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị M1 và bà Bùi Thị Đ, sửa một phần bản án sơ thẩm;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 609; 610; 611; 612; 613; 614; 649; 650; 651; 656; 660 Bộ luật Dân sự; Điều 12, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của bà Bùi Thị L1 về việc yêu

cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 020862 ngày 08-9-2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Bùi Trung B, bà Nguyễn Thị Hồng D và yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á là $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn M và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị Đ, bà Bùi Thị M1 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 020862 ngày 08-9-2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Bùi Trung B, bà Nguyễn Thị Hồng D và yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á là $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa 58, tờ bản đồ số 108, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định của pháp luật; ông M, bà M1, bà T và bà Đ mỗi người được hưởng giá trị 01 phần di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Á theo giá của hội đồng định giá đã đưa ra.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Bùi Văn M, bà Bùi Thị M1, bà Bùi Thị T, bà Bùi Thị Đ không yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế là căn nhà cấp 4 gắn liền trên thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Bùi Trung B và bà Nguyễn Thị Hồng D về việc ông B, bà D chỉ quản lý, sử dụng thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và căn nhà cấp 4 gắn liền trên thửa đất này để ở và thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ mà không được dùng nhà đất trên để chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp hoặc góp vốn cho người khác.

Ông Bùi Trung B và bà Nguyễn Thị Hồng D có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo đúng nội dung tự nguyện xác nhận nêu trên đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 108, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo quy định của pháp luật.

(Vị trí đất và tài sản gắn liền với đất được xác định theo Sơ đồ vị trí do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L lập ngày 23-3-2023, kèm theo bản án này)

5. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí sao lục tài liệu, đo vẽ, định giá là 3.343.926 (ba triệu, ba trăm bốn mươi ba ngàn, chín trăm hai mươi sáu) đồng, nguyên đơn phải chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bùi Văn M phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 (một triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0008941 ngày 11-7-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông Bùi Văn M được nhận lại số tiền 950.000 (chín trăm năm mươi ngàn) đồng.

- Bà Bùi Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 (một triệu, hai trăm

năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0008980 ngày 10-8-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Bùi Thị T được nhận lại số tiền 950.000 (chín trăm năm mươi ngàn) đồng.

- Bà Bùi Thị Đ phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 (một triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0008982 ngày 10-8-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Bùi Thị Đ được nhận lại số tiền 950.000 (chín trăm năm mươi ngàn) đồng.

- Bà Bùi Thị M1 là người cao tuổi nên được miễn án phí. Hoàn trả cho bà Bùi Thị M1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 (một triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0008983 ngày 10-8-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Hoàn trả cho bà Bùi Thị L1 được số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 (một triệu, hai trăm năm mươi ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0008981 ngày 10-8-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Bùi Văn M phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001985 ngày 22-9-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông M đã nộp xong.

Bà Bùi Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001987 ngày 22-9-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà T đã nộp xong.

Bà Bùi Thị Đ phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001986 ngày 22-9-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Đ đã nộp xong.

Bà Bùi Thị M1 được miễn nộp án phí phúc thẩm do là người cao tuổi.

7. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29-5-2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- CN. VPĐKĐĐ huyện L; tỉnh BR-VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện L, tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện L, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS huyện L, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

Cao Minh Vỹ